

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 13/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	1	Bac	7,0	4,5	5,5	
2	2123050061	Huỳnh Dương Bình	08/04/2004	CCQ2305B	1	Binh	4,5	4,0	2,4	
3	2123050232	Mai Thái Bình	02/10/2005	CCQ2305B			6,0			
4	2123050060	Lê Văn Cang	19/08/2005	CCQ2305B	1	Cang	7,0	6,5	6,7	
5	2123050188	Châu Du Dân	18/05/2005	CCQ2305A	1	Du	5,0	3,0	3,8	
6	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	1	Dang	5,0	5,0	5,0	
7	2123050084	Lê Văn Danh	10/11/1997	CCQ2305B	1	Danh	7,0	6,0	6,4	
8	2123050072	Võ Quang Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	1	Dat	7,5	5,0	6,0	
9	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1	Dung	8,0	5,5	6,5	
10	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A	1	Duy	7,5	5,0	6,0	
11	2123050019	Ngụy Thành Giàng	01/05/2005	CCQ2305A	1	Giàng	6,5	6,5	6,5	
12	2123050058	Bùi Minh Hải	07/10/2005	CCQ2305B	1	Hai	6,5	5,0	5,6	
13	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A	1	Hieu	8,0	6,0	6,8	
14	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	1	Hoa	7,5	7,0	7,2	
15	2123050082	Phan Hữu Hội	21/09/2005	CCQ2305B	1	Hoi	7,5	6,5	6,9	
16	2123050057	Trần Phúc Hưng	18/08/2005	CCQ2305B	1	Hung	7,5	5,5	6,3	
17	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A	1	Huy	6,5	5,0	5,6	
18	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A	1	Huy	5,0	5,5	5,3	
19	2123050074	Nguyễn Văn Kha	13/07/2004	CCQ2305B	1	Kha	6,0	4,5	5,1	
20	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A			0,0			
21	2123050077	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	1	Khoa	6,5	4,5	5,3	
22	2123050083	Nguyễn Trần Đăng Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	1	Khoa	7,0	4,5	5,5	
23	2122050102	Nguyễn Tấn Khôi	01/02/2004	CCQ2205C	1	Khôi	7,0	6,5	6,7	
24	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	1	Kiet	7,0	6,0	6,4	
25	2123050089	Huỳnh Văn Lâm	10/10/2005	CCQ2305B	1	Lam	7,0	2,5	4,3	
26	2123050073	Lâm Gia Long	20/04/2005	CCQ2305B	1	Long	7,0	6,5	6,7	
27	2123050052	Nguyễn Thành Luân	05/09/2005	CCQ2305B	1	Luân	7,0	4,5	5,5	
28	2123050078	Bùi Đình Luật	29/10/2002	CCQ2305B	1	Luật	7,0	6,5	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 13/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A503

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2
N.Tấn / Minh H. Nguyễn Mai Văn Lê Đào Phú Tân
Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	1	Đỗ Văn Ngọc	6,0	3,5	4,5	
30	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A	1	Đạt Ngọc	6,5	5,0	5,6	
31	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	1	Mạnh Vũ Văn	7,5	6,0	6,6	
32	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B			0,0			
33	2123050053	Đình Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	1	Đình Quang	9,0	5,0	6,6	

16

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 13/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 21

Trần Quang Thái
NTP. kml
Đào Văn Sơn
Đào Văn Sơn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121050030	Hồ Ngọc	Nguyễn	25/09/2003	CCQ2105A		0,0			
2	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,5	4,0	5,4	
3	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,0	4,5	5,5	
4	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	6,5	5,5	5,9	
5	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,0	5,0	5,8	
6	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A		0,0			
7	2123050213	Trần Huy	Phú	02/02/2003	CCQ2305A	<u>1</u>	5,0	5,5	5,3	
8	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	6,0	4,5	5,1	
9	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A	<u>1</u>	7,0	5,5	6,1	
10	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	<u>1</u>	8,0	5,0	6,2	
11	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Sơn	28/10/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,0	7,0	7,0	
12	2123050009	Nguyễn Thái	Sơn	02/06/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	7,5	7,0	7,2	
13	2120050087	Trần Nhất	Tâm	21/05/2001	CCQ2005C	<u>1</u>	7,0	4,5	5,5	
14	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	7,5	3,0	4,8	
15	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	7,5	2,0	4,2	
16	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,0	5,5	6,1	
17	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,0	6,5	6,7	
18	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	7,0	5,0	5,8	
19	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	8,0	6,0	6,8	
20	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	<u>1</u>	7,0	5,0	5,8	
21	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B	<u>1</u>	8,5	4,5	6,1	
22	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	5,0	4,5	4,7	
23	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	8,0	4,0	5,6	
24	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	<u>1</u>	7,0	6,0	6,4	
25	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	5,0	6,0	5,6	
26	2122050114	Nguyễn Văn	Trường	08/03/2004	CCQ2205B	<u>1</u>	7,0	7,0	7,0	
27	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	<u>1</u>	5,0	4,5	4,7	
28	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A	<u>1</u>	5,5	4,0	4,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 13/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31

Trần Quang Thái
NTP.Linh
Nguyễn Văn
Đào Thị Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	02	TC	8,0	5,5	6,5	
30	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	1	Tu	6,0	3,5	4,5	
31	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B	1	Văn	8,0	2,5	4,7	
32	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A	1	ch	7,5	4,5	5,7	
33	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	1	V	6,5	4,5	5,3	